

Số: 2177 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2021

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... C
	Ngày: 24/12/2021.



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 05 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2021.

Điều 2. Giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành có liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ động phát hiện và kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đối với các Luật, Pháp lệnh, Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ để thực hiện Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Văn phòng Chính phủ kiểm tra, đôn đốc thực hiện và tổng hợp vướng mắc của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan để kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ trong quá trình thực thi Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt

động kinh doanh đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

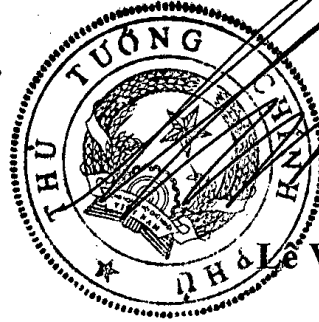
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KSTT (2b). 46

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



QH & Lê Văn Thành



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN

**Cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ nông nghiệp và
Phát triển nông thôn năm 2021**
(Kèm theo Quyết định số 1177 /QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2021
của Thủ tướng Chính phủ)

PHẦN I. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 149: KHAI THÁC THỦY SẢN

I. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản (Mã số 1.004359)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “*Bản chụp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với trường hợp cấp mới, theo đó đưa thông tin về số giấy chứng nhận đăng ký tàu cá vào Đơn đề nghị theo Mẫu số 02.KT Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.*”

Lý do: Đơn giản hóa thành phần hồ sơ; những loại giấy tờ đã được cơ quan nhà nước cấp trước đó thì không cần nộp lại. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm tra cứu thông tin trên Hệ thống lưu trữ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 45 và sửa đổi Mẫu đơn số 02.KT Phụ lục IV của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá (Mã số 1.003586)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “*Bản sao giấy chứng nhận xóa đăng ký đối với trường hợp tàu đã qua sử dụng*”, “*Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với trường hợp chủ tàu là tổ chức; giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với chủ tàu là cá nhân*”. Bổ sung thông tin liên quan đến Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá; Mã số doanh nghiệp, Số CMND/Số thẻ CCCD vào Đơn đề nghị theo Mẫu số 08.ĐKT Phụ lục VII kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm

ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.

Lý do: Đơn giản hóa thành phần hồ sơ; những loại giấy tờ đã được cơ quan nhà nước cấp trước đó thì không cần nộp lại. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm tra cứu thông tin về xóa đăng ký tàu cá trên Hệ thống lưu trữ; thông tin liên quan đến Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; thông tin liên quan đến sổ chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm c Khoản 2 Điều 23 theo hướng bỏ “giấy chứng nhận xóa đăng ký đối với trường hợp tàu đã qua sử dụng, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với trường hợp chủ tàu là tổ chức, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với chủ tàu là cá nhân”;

- Sửa đổi điểm a Khoản 2 Điều 23 theo hướng bổ sung thông tin liên quan (Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá; Mã số doanh nghiệp, sổ chứng minh nhân dân hoặc sổ thẻ căn cước công dân vào Đơn đề nghị theo Mẫu số 08.ĐKT Phụ lục VII kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

II. QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Báo cáo 1: Báo cáo tình hình cập nhật, quản lý thông tin về tàu, chủ tàu, thiết bị giám sát tàu cá

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi quy định về yêu cầu thực hiện báo cáo tại điểm d Khoản 3 Điều 44 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản theo hướng đơn giản hóa hơn so với hiện hành.

Lý do: Để đơn giản hóa, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khai thác thủy sản nhằm đáp ứng theo quy định của Ủy ban Châu Âu (EC).

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điểm d Khoản 3 Điều 44 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

PHẦN II. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 150: KINH DOANH THỦY SẢN

I. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu) (Mã số: 1.004913)**a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:**

Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được giao, cho thuê đất để nuôi trồng thủy sản hoặc giấy phép hoạt động nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, thủy điện hoặc quyết định giao khu vực biển hoặc hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, khu vực biển để nuôi trồng thủy sản” tại điểm b khoản 2 Điều 35 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ.

Lý do: Hiện nay phần lớn cơ sở không có “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao khu vực biển hoặc hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, khu vực biển để nuôi trồng thủy sản”, do vậy yêu cầu này sẽ gây khó khăn cho cơ sở khi thực hiện thủ tục hành chính. Việc đơn giản hóa thành phần hồ sơ nêu trên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở nuôi trồng thủy sản.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi hoặc bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 35 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (Mã số 1.004692)**a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:**

Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được giao, cho thuê đất để nuôi trồng thủy sản hoặc giấy phép hoạt động nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, thủy điện hoặc quyết định giao khu vực biển hoặc hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, khu vực biển để nuôi trồng thủy sản” tại điểm b khoản 2 Điều 36 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ.

Lý do: Hiện nay phần lớn cơ sở không có “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao khu vực biển hoặc hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, khu vực biển để nuôi trồng thủy sản”, do vậy yêu cầu này sẽ gây khó khăn cho cơ sở khi thực hiện thủ tục hành chính. Việc đơn giản hóa thành phần hồ sơ nêu trên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở nuôi trồng thủy sản.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi hoặc bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 36 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

II. QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT

1. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 1: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-19:2014/BNNPTNT về Cơ sở nuôi tôm Sú (*Penaeus monodon* Fabricus, 1798) và tôm Chân trắng (*Litopenaeus vannamei* Boone, 1931) - Điều kiện bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-19:2014/BNNPTNT về Cơ sở nuôi tôm Sú (*Penaeus monodon* Fabricus, 1798) và tôm Chân trắng (*Litopenaeus vannamei* Boone, 1931) - Điều kiện bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.

Lý do: Đã quy định trong Luật Thủy sản. Trình tự thủ tục quy định tại Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; Luật An toàn thực phẩm quy định giao Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành QCVN về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm.

b) Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-19:2014/BNNPTNT về Cơ sở nuôi tôm Sú (*Penaeus monodon* Fabricus, 1798) và tôm Chân trắng (*Litopenaeus vannamei* Boone, 1931) - Điều kiện bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm được ban hành tại Thông tư số 22/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về điều kiện nuôi thủy sản.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

2. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 2: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-20:2014/BNNPTNT về cơ sở nuôi cá Tra (*Pangasianodon hypophthalmus* Sauvage, 1878) trong ao - Điều kiện bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-20:2014/BNNPTNT về cơ sở nuôi cá Tra (*Pangasianodon hypophthalmus* Sauvage, 1878) trong ao - Điều kiện bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.

Lý do: Đã quy định trong Luật Thủy sản, trình tự thủ tục quy định tại Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; Luật An toàn thực phẩm quy định giao Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành QCVN về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-20:2014/BNNPTNT về cơ sở nuôi cá Tra (*Pangasianodon hypophthalmus* Sauvage, 1878) trong ao - Điều kiện bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm được ban hành tại Thông tư số 22/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về điều kiện nuôi thủy sản.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

3. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 3: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-22:2015/BNNPTNT về cơ sở nuôi cá lồng/bè nước ngọt - Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-22:2015/BNNPTNT về cơ sở nuôi cá lồng/bè nước ngọt - Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

Lý do: Đã quy định trong Luật Thủy sản, trình tự thủ tục quy định tại Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; Luật An toàn thực phẩm quy định giao Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành QCVN về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-22:2015/BNNPTNT về cơ sở nuôi cá lồng/bè nước ngọt - Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường được ban hành tại Thông tư số 16/2015/TT-BNNPTNT ngày 10/4/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về điều kiện nuôi thủy sản.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

4. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 4: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-26: 2017/BNNPTNT về Cơ sở nuôi cá rô phi (*Oreochromis spp.*) trong ao - Điều kiện bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-26:2017/BNNPTNT về Cơ sở nuôi cá rô phi (*Oreochromis spp.*) trong ao - Điều kiện bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.

Lý do: Đã quy định trong Luật Thủy sản, trình tự thủ tục quy định tại Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; Luật An toàn thực phẩm quy định giao Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành QCVN về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-26:2017 về Cơ sở nuôi cá rô phi (*Oreochromis spp.*) trong ao - Điều kiện bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm được ban hành tại Thông tư số 12/2017/TT-BNNPTNT ngày 07/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu kỹ thuật đối với cơ sở sản xuất giống và nuôi cá rô phi.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

5. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 5: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-81:2011/BNNPTNT về Cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản giống - Điều kiện vệ sinh thú y

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-81:2011/BNNPTNT về Cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản giống - Điều kiện vệ sinh thú y

Lý do: Đã quy định trong Luật Thủy sản.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-81:2011/BNNPTNT về Cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản giống - Điều kiện vệ sinh thú y được ban hành tại Thông tư số 71/2011/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia lĩnh vực thú y.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

6. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 6: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-15:2009/BNNPTNT Cơ sở sản xuất giống thủy sản – điều kiện an toàn thực phẩm, an toàn sinh học và môi trường

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-15:2009/BNNPTNT về Cơ sở sản xuất giống thủy sản – điều kiện an toàn thực phẩm, an toàn sinh học và môi trường.

Lý do: Đã quy định trong Luật Thủy sản.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-15:2009/BNNPTNT Cơ sở sản xuất giống thủy sản – điều kiện an toàn thực phẩm, an toàn sinh học và môi trường được ban hành tại Thông tư số 82/2009/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

7. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 7: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-80:2011/BNNPTNT Cơ sở nuôi trồng thủy sản thương phẩm

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-80:2011/BNNPTNT Cơ sở nuôi trồng thủy sản thương phẩm.

Lý do: Đã quy định trong Luật Thủy sản.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-80:2011/BNNPTNT Cơ sở nuôi trồng thủy sản thương phẩm được ban hành tại Thông tư số 71/2011/TT-

BNNPTNT ngày 25/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

PHẦN III. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 151: KINH DOANH THỨC ĂN THỦY SẢN, THỨC ĂN CHĂN NUÔI

I. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng (Mã số 1.008126)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ thành phần hồ sơ: *“Bản sao, chụp tài liệu chứng minh có biện pháp bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường”* được liệt kê tại điểm c khoản 4 Mẫu số 02.TACN (Thuyết minh điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi) Phụ lục I Nghị định số 13/2020/NĐ-CP; thay vào đó, tài liệu này sẽ được kê khai thông tin (số; ký hiệu) tại bản thuyết minh này và được kiểm tra khi thực hiện đánh giá điều kiện thực tế tại cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi theo quy định.

Lý do: Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, sau khi hồ sơ đạt yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền sẽ thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này; ngoài các nội dung đánh giá khác, còn có nội dung yêu cầu đánh giá về kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc có văn bản xác nhận đánh giá tác động môi trường (khoản 10 mục I Mẫu số 04.TACN Phụ lục I). Do vậy, khi đến kiểm tra trực tiếp tại cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, tổ chức cá nhân sẽ phải chứng minh hoặc xuất trình các tài liệu liên quan về môi trường. Việc quy định vừa phải nộp các tài liệu này khi gửi hồ sơ và khi kiểm tra thực tế (02 lần) là không cần thiết và hợp lý.

b) Kiến nghị thực thi:

Bãi bỏ điểm c khoản 4 Mẫu số 02.TACN Phụ lục I Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ, theo đó sửa đổi như sau:

“c) Tài liệu chứng minh có biện pháp bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (liệt kê số ký hiệu, ngày tháng của tài liệu)” (Tài liệu này sẽ được kiểm tra thực tế tại cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi).

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng (Mã số 1.008120)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ thành phần hồ sơ: *“Bản sao, chụp tài liệu chứng minh có biện pháp bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường”* được liệt kê tại điểm c khoản 4 Mẫu số 02.TACN (Thuyết minh điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi) Phụ lục I Nghị định số 13/2020/NĐ-CP; thay vào đó, tài liệu này sẽ được kê khai thông tin (số; ký hiệu) tại bản thuyết minh này và được kiểm tra khi thực hiện đánh giá điều kiện thực tế tại cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi theo quy định.

Lý do: Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, sau khi hồ sơ đạt yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền sẽ thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này; ngoài các nội dung đánh giá khác, còn có nội dung yêu cầu đánh giá về kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc có văn bản xác nhận đánh giá tác động môi trường (khoản 10 mục I Mẫu số 04.TACN Phụ lục I). Do vậy, khi đến kiểm tra trực tiếp tại cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, tổ chức cá nhân sẽ phải chứng minh hoặc xuất trình các tài liệu liên quan về môi trường. Việc quy định vừa phải nộp các tài liệu này khi gửi hồ sơ và khi kiểm tra thực tế (02 lần) là không cần thiết.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm c khoản 4 Mẫu số 02.TANC Phụ lục I Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ, theo đó sửa đổi như sau:

“c) Tài liệu chứng minh có biện pháp bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (liệt kê số ký hiệu, ngày tháng của tài liệu)” (Tài liệu này sẽ được kiểm tra thực tế tại cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi).

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

3. Thủ tục hành chính 3: Đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu (Mã số 1.008124)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ *“Giấy chứng nhận lưu hành tự do hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ cấp đối với nguyên liệu đơn, thức ăn truyền thống”* tại điểm c khoản 3 Điều 18 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

- Quy định rõ trình tự thực hiện thủ tục hành chính tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

Lý do: Đơn giản hóa thủ tục hành chính, minh bạch quy trình thực hiện tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 3, khoản 4 Điều 18 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ Hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

4. Thủ tục hành chính 4: Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu (Mã số 1.008125)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Sửa đổi, đơn giản hóa quy định về trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết thủ tục hành chính, không viện chung chung đến toàn bộ Nghị định 74/2018/NĐ-CP và Nghị định 154/2018/NĐ-CP.

Lý do: Nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch, tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 5 Điều 18 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

5. Thủ tục hành chính 5: Thừa nhận phương pháp thử nghiệm thức ăn chăn nuôi của phòng thử nghiệm nước xuất khẩu (Mã số 3.000131)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Đơn giản hóa quy định về dịch hồ sơ ra tiếng Việt. Chỉ yêu cầu bản dịch ra tiếng Việt có chứng thực đối với hồ sơ mà bản chính không phải là tiếng Anh.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi và rút ngắn thời gian cho tổ chức, cá nhân khi chuẩn bị hồ sơ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Đề nghị sửa yêu cầu về hồ sơ tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi như sau: “Trường hợp hồ sơ là bản bằng chữ nước ngoài thì phải có bản dịch ra tiếng Việt có xác nhận của tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính. Nếu bản chính không phải là tiếng Anh thì bản dịch ra tiếng Việt là bản dịch có chứng thực”.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

6. Thủ tục hành chính 6: Thừa nhận quy trình khảo nghiệm và công nhận thức ăn chăn nuôi của nước xuất khẩu (Mã số 1.008123)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Đơn giản hóa quy định về dịch hồ sơ ra tiếng Việt. Chỉ yêu cầu bản dịch ra tiếng Việt có chứng thực đối với hồ sơ mà bản chính không phải là tiếng Anh.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi và rút ngắn thời gian cho tổ chức, cá nhân khi chuẩn bị hồ sơ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Đề nghị sửa yêu cầu về hồ sơ tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi như sau: “Trường hợp hồ sơ là bản bằng chữ nước ngoài thì phải có bản dịch ra tiếng Việt có xác nhận của tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính. Nếu bản chính không phải là tiếng Anh thì bản dịch ra tiếng Việt là bản dịch có chứng thực”.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

II. QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT**1. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 1: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-77:2011/BNNPTNT Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại – Điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm**

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa;

- Bãi bỏ quy định về đánh giá chứng nhận hợp quy điều kiện cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại và sản phẩm thức ăn chăn nuôi sản xuất trong nước, thức ăn chăn nuôi nhập khẩu.

Lý do: Thay bằng thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi theo quy định Luật Chăn nuôi và Nghị định số 13/2020/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

- Bãi bỏ quy định về đánh giá chỉ định tổ chức chứng nhận thực hiện chứng nhận hợp quy thức ăn chăn nuôi.

Lý do: Luật Chăn nuôi và Nghị định số 13/2020/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi quy định Cục Chăn nuôi và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thay cho việc chứng nhận hợp quy điều kiện đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-77:2011/BNNPTNT theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được ban hành tại Thông tư số 61/2011/TT-BNNPTNT ngày 12/9/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia lĩnh vực thức ăn chăn nuôi.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

2. Tiêu chuẩn/ Quy chuẩn 2: QCVN 02-14:2009/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: cơ sở sản xuất thức ăn công nghiệp nuôi thủy sản - Điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm, vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-14:2009/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: cơ sở sản xuất thức ăn công nghiệp nuôi thủy sản - Điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm, vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường.

Lý do: Luật Thủy sản đã có quy định về điều kiện - Không giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn Việt Nam.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-14: 2009/BNNPTNT được ban hành tại Thông tư số 82/2009/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm trong sản xuất thủy sản.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

PHẦN IV. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 152: KINH DOANH DỊCH VỤ KHẢO NGHIỆM THỨC ĂN THỦY SẢN, THỨC ĂN CHĂN NUÔI (KHẢO NGHIỆM THỨC ĂN THỦY SẢN, SẢN PHẨM XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN)

I. QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT

1. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 1: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-103:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm, kiểm định thức ăn chăn nuôi gà

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-103:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm, kiểm định thức ăn chăn nuôi gà.

Lý do: Cơ sở có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Luật Chăn nuôi có thể thực hiện khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi lần đầu được nhập khẩu vào Việt Nam và thức ăn chăn nuôi có chứa chất mới chưa qua khảo nghiệm mà không cần phải làm thủ tục để được chỉ định.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-103:2012/BNNPTNT theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ban hành tại Thông tư số 41/2012/TT-BNNPTNT ngày 15/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi và thức ăn chăn nuôi.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

2. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 2: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia 01-104:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm, kiểm định thức ăn chăn nuôi lợn

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-104:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm, kiểm định thức ăn chăn nuôi lợn.

Lý do: Cơ sở có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Luật Chăn nuôi có thể thực hiện khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi lần đầu được nhập

khẩu vào Việt Nam và thức ăn chăn nuôi có chứa chất mới chưa qua khảo nghiệm mà không cần phải làm thủ tục để được chỉ định.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-104:2012/BNNPTNT theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ban hành tại Thông tư số 41/2012/TT-BNNPTNT ngày 15/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi và thức ăn chăn nuôi.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

PHẦN V. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 155: NUÔI, TRỒNG CÁC LOÀI THỰC VẬT, ĐỘNG VẬT HOANG DÃ THUỘC CÁC PHỤ LỤC CỦA CÔNG ƯỚC CITES VÀ DANH MỤC THỰC VẬT RỪNG, ĐỘNG VẬT RỪNG, THỦY SẢN NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM

I. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục I CITES (Mã số 1.004819)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi “Phương án nuôi” theo hướng chuyển từ phương án nuôi được quy định theo mức độ bảo vệ của pháp luật (phương án nuôi loài thuộc Nhóm IB và Phụ lục I CITES; phương án nuôi loài thuộc Nhóm IIB, Phụ lục II CITES và Phụ lục III) thành phương án nuôi theo hình thức nuôi (phương án nuôi sinh sản và phương án nuôi sinh trưởng).

Lý do: Để đảm bảo cơ sở khoa học trong xây dựng phương án nuôi và phù hợp với thực tiễn nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật hoang dã thuộc các Phụ lục CITES.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Mẫu số 04 và Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

2. Thủ tục hành chính 2: Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES (Mã số 1.004815)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi “Phương án nuôi” theo hướng chuyển từ phương án nuôi được quy định theo mức độ bảo vệ của pháp luật (phương án nuôi loài thuộc Nhóm IB và Phụ lục I CITES; phương án nuôi loài thuộc Nhóm IIB, Phụ lục II

CITES và Phụ lục III) thành phương án nuôi theo hình thức nuôi (phương án nuôi sinh sản và phương án nuôi sinh trưởng).

Lý do: Đảm bảo cơ sở khoa học trong xây dựng phương án nuôi và phù hợp với thực tiễn nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật hoang dã thuộc các Phụ lục CITES.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Mẫu số 04 và Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

II. QUY ĐỊNH VỀ YÊU CẦU, ĐIỀU KIỆN

1. Yêu cầu, điều kiện 1: Loài nuôi là loài được Cơ quan khoa học CITES Việt Nam công bố có khả năng sinh sản liên tiếp qua nhiều thế hệ trong môi trường có kiểm soát; và được Cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản việc nuôi sinh sản, sinh trưởng không làm ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài nuôi và các loài có liên quan trong tự nhiên.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 15 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP theo hướng: Việc lấy ý kiến của Cơ quan khoa học CITES Việt Nam do cơ quan cấp mã số thực hiện và chỉ áp dụng cho trường hợp lần đầu tiên đăng ký nuôi loài động vật hoang dã thuộc Phụ lục CITES thuộc các lớp thú, chim, bò sát.

Lý do:

- Trách nhiệm thực hiện lấy ý kiến của Cơ quan khoa học CITES Việt Nam thuộc cơ quan cấp mã số, không phải trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nuôi động vật hoang dã; giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính, tiết kiệm chi phí, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân nuôi, trồng.

- Thu hẹp, phạm vi đối tượng phải thực hiện điều kiện kinh doanh này, chỉ áp dụng đối với “Các loài động vật hoang dã thuộc Phụ lục CITES thuộc các lớp thú, chim, bò sát lần đầu tiên được nuôi tại cơ sở nuôi”, thay vì điều kiện hiện hành là áp dụng đối các loài nuôi.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 15 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

PHẦN VI. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 158: XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU, TÁI XUẤT KHẨU, QUÁ CẢNH VÀ NHẬP NỘI TỪ BIỂN MẪU VẬT TỰ NHIÊN CỦA CÁC LOÀI THUỘC CÁC PHỤ LỤC CỦA CÔNG ƯỚC CITES VÀ DANH MỤC THỰC VẬT RỪNG, ĐỘNG VẬT RỪNG, THỦY SẢN NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM

I. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy phép CITES nhập khẩu mẫu vật các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục CITES (mã số 1.003578)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “có xác nhận bằng văn bản của Cơ quan khoa học CITES Việt Nam về cơ sở có đủ điều kiện, năng lực nuôi giữ, chăm sóc mẫu vật” đối với trường hợp nhập khẩu động vật, thực vật hoang dã còn sống và không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam.

Lý do: Quy định như hiện tại là không phù hợp với thực tiễn quản lý, vì chỉ các loài động vật, thực vật hoang dã còn sống để nuôi, trồng mới cần phải đảm bảo điều kiện "cơ sở có đủ điều kiện, năng lực nuôi giữ, chăm sóc mẫu vật". Điều kiện này đã được quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP.

- Rút ngắn thời hạn giải quyết từ không quá 30 ngày làm việc xuống không quá 22 ngày làm việc, cụ thể: “Trường hợp cần tham vấn Cơ quan Khoa học CITES Việt Nam hoặc cơ quan có liên quan của nước xuất khẩu thì Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam tổ chức thực hiện, nhưng thời hạn cấp không quá 22 ngày làm việc”.

Lý do: Rút ngắn thời gian nhằm đảm bảo quyền lợi cũng như thời gian cho tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 25 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

PHẦN VII. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 161: KINH DOANH THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

I. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Mã số 1.004363)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại điểm

b khoản 2 Điều 35 Thông tư số 21/2015/TTBNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

Lý do: Để đơn giản hóa thành phần hồ sơ, cơ quan nhà nước tra cứu thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp vì đã tích hợp thông tin trong bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 35 Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

PHẦN VIII. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 162: KINH DOANH DỊCH VỤ XỬ LÝ VẬT THỂ THUỘC DIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT

I. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (Mã số 1.004546)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Giấy chứng nhận đã qua tập huấn chuyên môn”; đồng thời bổ sung thông tin vào Đơn đề nghị cấp lại.

Lý do: Giấy tờ này đã được cơ quan nhà nước cấp trước đó, do vậy khi tổ chức, cá nhân không phải nộp lại giấy chứng nhận đã được cấp; cơ quan nhà nước có trách nhiệm tra cứu thông tin trên Hệ thống lưu trữ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 8 Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/02/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp lại Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (Mã số 1.004524)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Giấy chứng nhận đã qua tập huấn chuyên môn”; đồng thời bổ sung thông tin vào Đơn đề nghị cấp lại.

- Giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do:

- Giấy tờ này đã được cơ quan nhà nước cấp trước đó, do vậy khi tổ chức, cá nhân không phải nộp lại giấy chứng nhận đã được cấp; cơ quan nhà nước có trách nhiệm tra cứu thông tin trên Hệ thống lưu trữ.

- Việc cấp lại đơn giản hơn so với cấp lần đầu, nên thời gian giải quyết thủ tục hành chính cũng giảm.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 2 Điều 9 tại Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/02/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

- Sửa đổi, bổ sung Phụ lục IV (bổ sung tin liên quan đến “Giấy chứng nhận đã qua tập huấn chuyên môn”; không liệt kê loại giấy tờ này tại phần Hồ sơ kèm theo Phụ lục) ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/02/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (Mã số 1.002417)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “*Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh*”, theo đó bổ sung thông tin về tên Doanh nghiệp, mã số kinh doanh trong Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch.

Lý do: Cơ quan nhà nước tra cứu thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để giảm thời gian, chi phí cho tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm g khoản 1 Điều 5; bổ sung thông tin về mã số doanh nghiệp tại Phụ lục số II của Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/02/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với vật thể trong Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam (Mã số 2.001673)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “*Bản sao Hợp đồng thương mại*” trong thành phần hồ sơ xin giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với trường hợp phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, hợp tác quốc tế.

Lý do: Trên thực tế: (i) Các giống cây trồng nhập khẩu để nghiên cứu, khảo nghiệm chưa phải giống thương mại, không có hợp đồng thương mại; (ii) Các giống khảo nghiệm được chuyển giao giữa các chi nhánh của cùng một công ty đóng tại các quốc gia khác nhau nên thỏa thuận hợp tác cũng không đúng bản chất sự việc. Để làm được thỏa thuận sẽ mất rất nhiều thời gian của tổ chức, cá

nhân; đồng thời loại giấy tờ này không cần thiết khi thực hiện thủ tục hành chính này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ/chi tiết hóa điểm b khoản 1 Điều 9 Thông tư số 43/2018/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định một số nội dung về xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng, giống vật nuôi, nguồn gen cây trồng; nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật và nhập khẩu vật thể trong Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

II. QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT

1. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 1: QCVN 01-18:2010/BNNPTNT về Quy trình giám sát rệp sáp vảy ốc đen (*Diaspidiotus perniciosus* (comstock) là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-18:2010/BNNPTNT về Quy trình giám sát rệp sáp vảy ốc đen (*Diaspidiotus perniciosus* (comstock) là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-18:2010/BNNPTNT về Quy trình giám sát rệp sáp vảy ốc đen (*Diaspidiotus perniciosus* (comstock) là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam được ban hành tại Thông tư số 26/2010/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

2. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 2: QCVN 01-33:2010/BNNPTNT về quy trình giám định bệnh cây hương lúa (*Balansia oryzae-sativa* Hashioka) là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-33:2010/BNNPTNT về quy trình giám định bệnh cây hương lúa (*Balansia oryzae-sativa* Hashioka) là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-33:2010/BNNPTNT về quy trình giám định bệnh cây hương lúa (*Balansia oryzae-sativa* Hashioka) là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam được ban hành tại Thông tư số 71/2010/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

3. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 3: QCVN 01-34:2010/BNNPTNT về quy trình giám định tuyến trùng *Ditylenchus dipsaci* (Kuhn, 1957) Filipjev, 1936 và *Ditylenchus dipsaci* Thorne, 1945 là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-34:2010/BNNPTNT về quy trình giám định tuyến trùng *Ditylenchus dipsaci* (Kuhn, 1957) Filipjev, 1936 và *Ditylenchus dipsaci* Thorne, 1945 là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-34:2010 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy trình giám định tuyến trùng *Ditylenchus dipsaci* (Kuhn, 1957) Filipjev, 1936 và *Ditylenchus dipsaci* Thorne, 1945 là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam được ban hành tại Thông tư số 71/2010/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

4. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 4: QCVN 01-35:2010/BNNPTNT về quy trình giám định tuyến trùng bào nang *Globodera pallida* (Stone, 1973) Behrens, 1975 và *Globodera rostochiensis* (Wollenweber, 1023) Behrens, 1975 là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-35:2010/BNNPTNT về quy trình giám định tuyến trùng bào nang *Globodera pallida* (Stone, 1973) Behrens, 1975 và *Globodera rostochiensis* (Wollenweber, 1023) Behrens, 1975 là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-35:2010/BNNPTNT về quy trình giám định tuyến trùng bào nang *Globodera pallida* (Stone, 1973) Behrens, 1975 và *Globodera rostochiensis* (Wollenweber, 1023) Behrens, 1975 là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam được ban hành tại Thông tư số 71/2010/TT-BNNPTNT của

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024

5. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 5: QCVN 01-37:2010/BNNPTNT về phương pháp điều tra phát hiện sinh vật hại cây thông và cây phi lao

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-37:2010/BNNPTNT về phương pháp điều tra phát hiện sinh vật hại cây thông và cây phi lao.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-37:2010/BNNPTNT về phương pháp điều tra phát hiện sinh vật hại cây thông và cây phi lao được ban hành tại Thông tư số 71/2010/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

6. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 6: QCVN 01-38:2010/BNNPTNT về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây trồng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-38:2010/BNNPTNT về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây trồng.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-38:2010/BNNPTNT về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây trồng được ban hành tại Thông tư số 71/2010/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

7. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 7: QCVN 01-105:2012/BNNPTNT về Quy trình giám định một cứng đốt (*trogo-derma granarium Everts*) và một vện thân (*Trogoderma inclusum*)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-105:2012/BNNPTNT về Quy trình giám định một cứng đốt (*trogo-derma granarium Everts*) và một vện thân (*Trogoderma inclusum*).

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-105:2012/BNNPTNT về Quy trình giám định một cứng đốt (*trigo-derma granarium Everts*) và một vện thân (*Trogoderma inclusum*) được ban hành tại Thông tư số 63/2012/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

8. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 8: QCVN 01-106:2012/BNNPTNT về Quy trình giám định một to vôi (*Caulophilus oryzae* (Gyllenhal))

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-106:2012/BNNPTNT về Quy trình giám định một to vôi (*Caulophilus oryzae* (Gyllenhal)).

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-106:2012/BNNPTNT về Quy trình giám định một to vôi (*Caulophilus oryzae* (Gyllenhal)) được ban hành tại Thông tư số 63/2012/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024

9. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 9: QCVN 01-107:2012/BNNPTNT về Quy trình giám định một thóc (*Sitophilus granarius Linnaeus*)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-107:2012/BNNPTNT về Quy trình giám định một thóc (*Sitophilus granarius Linnaeus*).

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-107:2012/BNNPTNT về Quy trình giám định một thóc (*Sitophilus granarius Linnaeus*) được ban hành tại Thông tư số 63/2012/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

10. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 10: QCVN 01-108:2012/BNNPTNT về Quy trình giám định nhóm ruồi đục quả thuộc giống *Anstrepha* là dịch hại thực vật của Việt Nam

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-108:2012/BNNPTNT về Quy trình giám định nhóm ruồi đục quả thuộc giống *Anastrepha* là dịch hại thực vật của Việt Nam.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-108:2012/BNNPTNT về Quy trình giám định nhóm ruồi đục quả thuộc giống *Anastrepha* là dịch hại thực vật của Việt Nam được ban hành tại Thông tư số 63/2012/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

11. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 11: QCVN 01-109:2012/BNNPTNT về Quy trình giám định nhóm ruồi đục quả thuộc giống *Bactrocera* là dịch hại thực vật của Việt Nam

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-109:2012/BNNPTNT về Quy trình giám định nhóm ruồi đục quả thuộc giống *Bactrocera* là dịch hại thực vật của Việt Nam.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-109:2012/BNNPTNT về Quy trình giám định nhóm ruồi đục quả thuộc giống *Bactrocera* là dịch hại thực vật của Việt Nam được ban hành tại Thông tư số 63/2012/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

12. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 12: QCVN 01-110:2012/BNNPTNT về Quy trình giám định nhóm ruồi đục quả thuộc giống *Ceratitis* là dịch hại thực vật của Việt Nam

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-110:2012/BNNPTNT về Quy trình giám định nhóm ruồi đục quả thuộc giống *Ceratitis* là dịch hại thực vật của Việt Nam.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-110:2012/BNNPTNT về Quy trình giám định nhóm ruồi đục quả thuộc giống *Ceratitis* là dịch hại thực vật của Việt Nam được ban

hành tại Thông tư số 63/2012/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

13. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 13: QCVN 01-111:2012/BNNPTNT về Quy trình điều tra rệp sáp hại giống cây trồng nhập khẩu và biện pháp xử lý

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-111:2012/BNNPTNT về Quy trình điều tra rệp sáp hại giống cây trồng nhập khẩu và biện pháp xử lý.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-111:2012/BNNPTNT về Quy trình điều tra rệp sáp hại giống cây trồng nhập khẩu và biện pháp xử lý được ban hành tại Thông tư số 63/2012/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

14. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 14: QCVN 01-118:2012/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện sinh vật chính gây hại chè

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-118:2012/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện sinh vật chính gây hại chè.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-118:2012/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện sinh vật chính gây hại chè được ban hành tại Thông tư số 63/2012/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

15. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 15: QCVN 01-119:2012/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện sinh vật hại trên cây ăn quả có múi

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-119:2012/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện sinh vật hại trên cây ăn quả có múi.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát,

chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-119:2012/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện sinh vật hại trên cây ăn quả có múi được ban hành tại Thông tư số 63/2012/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

16. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 16: QCVN 01-135:2013/BNNPTNT về quy trình giám định sâu cánh cứng hại khoai tây *Leptinotarsa decemlineata* (Say)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-135:2013/BNNPTNT về quy trình giám định sâu cánh cứng hại khoai tây *Leptinotarsa decemlineata* (Say).

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-135:2013/BNNPTNT về quy trình giám định sâu cánh cứng hại khoai tây *Leptinotarsa decemlineata* (Say) được ban hành tại Thông tư số 32/2013/TT-BNNPTNT ngày 14/6/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

17. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 17: QCVN 01-136:2013/BNNPTNT về quy trình giám định một đục hạt lớn *Prostephanus* (Horn) là dịch hại kiểm dịch thực của Việt Nam

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-136:2013/BNNPTNT về quy trình giám định một đục hạt lớn *Prostephanus* (Horn) là dịch hại kiểm dịch thực của Việt Nam.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Cần rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-136:2013/BNNPTNT về quy trình giám định một đục hạt lớn *Prostephanus* (Horn) là dịch hại kiểm dịch thực của Việt Nam được ban hành tại Thông tư số 32/2013/TT-BNNPTNT ngày 14/6/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

18. Tiêu chuẩn/ Quy chuẩn 18: QCVN 01-139:2013/BNNPTNT về quy trình điều tra, thu thập, xử lý và bảo quản mẫu bệnh virus hại lúa

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-139:2013/BNNPTNT về quy trình điều tra, thu thập, xử lý và bảo quản mẫu bệnh virus hại lúa.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-139:2013/BNNPTNT về quy trình điều tra, thu thập, xử lý và bảo quản mẫu bệnh virus hại lúa được ban hành tại Thông tư số 32/2013/TT-BNNPTNT ngày 14/6/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

19. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 19: QCVN 01-159:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định bệnh phần đen lúa mỳ *Tilletia indica* Mitra là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-159:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định bệnh phần đen lúa mỳ *Tilletia indica* Mitra là dịch hại kiểm dịch thực vật.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-159:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định bệnh phần đen lúa mỳ *Tilletia indica* Mitra là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam được ban hành tại Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

20. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 20: QCVN 01-161:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định bệnh thối loét cà chua *Claviabacter michiganensis* subsp. *michiganensi* (Smith) Davis là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-161:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định bệnh thối loét cà chua *Claviabacter michiganensis* subsp. *michiganensi* (Smith) Davis là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-161:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định bệnh thối loét cà chua *Claviabacter michiganensis* subsp. *michiganensis* (Smith) Davis là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam được ban hành tại Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

21. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 21: QCVN 01-162:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định bộ trĩ cam *Scirtothrips aurantii* Faure là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-162:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định bộ trĩ cam *Scirtothrips aurantii* Faure là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-162:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định bộ trĩ cam *Scirtothrips aurantii* Faure là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam được ban hành tại Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

22. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 22: QCVN 01-163:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định cây ké đồng *Cirsium arvense* là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-163:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định cây ké đồng *Cirsium arvense* là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-163:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định cây ké đồng *Cirsium arvense* là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam được ban hành tại Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

23. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 23: QCVN 01-165:2014/BNNPTNT về

Quy trình giám định cỏ ma ký sinh thuộc chi Striga là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-165:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định cỏ ma ký sinh thuộc chi Striga là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-165:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định cỏ ma ký sinh thuộc chi Striga là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam được ban hành tại Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

24. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 24: QCVN 01-166:2014/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện dịch hại lúa

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-166:2014/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện dịch hại lúa.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-166:2014/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện dịch hại lúa được ban hành tại Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

25. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 25: QCVN 01-167:2014/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây ngô

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-167:2014/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây ngô.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-167:2014/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây ngô được ban hành tại Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT

ngày 05/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

26. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 26: QCVN 01-168:2014/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện dịch hại trên cây lạc, đậu tương

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-168:2014/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện dịch hại trên cây lạc, đậu tương.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-168:2014/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện dịch hại trên cây lạc, đậu tương được ban hành tại Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

27. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 27: QCVN 01-169:2014/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây rau họ hoa thập tự

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-169:2014/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây rau họ hoa thập tự.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-169:2014/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây rau họ hoa thập tự được ban hành tại Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

28. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 28: QCVN 01-172:2014/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện sinh vật chính hại cây hồ tiêu

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi QCVN 01-172:2014/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện sinh vật chính hại cây hồ tiêu.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi QCVN 01-172:2014/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện sinh vật chính hại cây hồ tiêu được ban hành tại Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

29. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 29: QCVN 01-173:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định bệnh khô cành cam quýt *Phoma tracheiphila* (Pertri) Kantachveli & Gikachvili là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-173:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định bệnh khô cành cam quýt *Phoma tracheiphila* (Pertri) Kantachveli & Gikachvili là dịch hại kiểm dịch thực vật.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-173:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định bệnh khô cành cam quýt *Phoma tracheiphila* (Pertri) Kantachveli & Gikachvili là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam được ban hành tại Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

30. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 30: QCVN 01-176:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định Mọt lạch *Pachymerus pallidus* Olivier là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-176:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định Mọt lạch *Pachymerus pallidus* Olivier là dịch hại kiểm dịch thực vật.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-176:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định Mọt lạch *Pachymerus pallidus* Olivier là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam được ban hành tại Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

31. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 31: QCVN 01-177:2014/BNNPTNT về

Phương pháp điều tra phát hiện sinh vật chính gây hại cây nhãn, cây vải

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-177:2014/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện sinh vật chính gây hại cây nhãn, cây vải.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-177:2014/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện sinh vật chính gây hại cây nhãn, cây vải được ban hành tại Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

32. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 32: QCVN 01-179:2014/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy trình giám định bệnh rụng lá cao su Nam Mỹ *Microcyclus ulei* (Henn.) Arx là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-179:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định bệnh rụng lá cao su Nam Mỹ *Microcyclus ulei* (Henn.) Arx là dịch hại kiểm dịch thực vật.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-179:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định bệnh rụng lá cao su Nam Mỹ *Microcyclus ulei* (Henn.) Arx là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam được ban hành tại Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

33. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 33: QCVN 01-180:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định tuyến trùng thối thân, rễ cọc dầu, dừa *Rhadinaphelenchus cocophilus* (Cobb) Goodey là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-180:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định tuyến trùng thối thân, rễ cọc dầu, dừa *Rhadinaphelenchus cocophilus* (Cobb) Goodey là dịch hại kiểm dịch thực vật.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát,

chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-180:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định tuyến trùng thối thân, rễ cọ dầu, dứa *Rhadinaphelenchus cocophilus* (Cobb) Goodey là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam được ban hành tại Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

34. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 34: QCVN 01-181:2014/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy trình giám định bệnh ung thư khoai tây *Synchytrium endobioticum* (Schilb.) Percival là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-181:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định bệnh ung thư khoai tây *Synchytrium endobioticum* (Schilb) Percival là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam.

Lý do: Quy định các quy trình giám định, nội dung không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-181:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định bệnh ung thư khoai tây *Synchytrium endobioticum* (Schilb) Percival là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam được ban hành tại Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

PHẦN IX. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 163: KINH DOANH DỊCH VỤ KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

I. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật (Mã 2.001236)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoạt động về lĩnh vực khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật; Bộ sung thông tin về *Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp* trong Đơn đề nghị công nhận Tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

Lý do: Đề đơn giản hóa thành phần hồ sơ, cơ quan nhà nước tra thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Bỏ nội dung “Những thông tin khác” trong Phụ lục X.

Lý do: Quy định chung chung, thiếu rõ ràng, minh bạch gây khó khăn cho người thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 21; Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

II. QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT

1. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 1: QCVN 01-01:2009/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của thuốc bảo vệ thực vật phòng trừ sâu và nhện hại cây trồng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-01:2009/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của thuốc bảo vệ thực vật phòng trừ sâu và nhện hại cây trồng.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-01:2009/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của thuốc bảo vệ thực vật phòng trừ sâu và nhện hại cây trồng được ban hành tại Thông tư số 55/2009/TT-BNNPTNT ngày 28/8/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

2. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 2: QCVN 01-14:2010/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc trị bệnh phòng trừ bệnh bạc lá (*Xanthomonas oryzae*) hại lúa

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-14:2010/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc trị bệnh phòng trừ bệnh bạc lá (*Xanthomonas oryzae*) hại lúa.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-14:2010/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc trị bệnh phòng trừ bệnh bạc lá (*Xanthomonas oryzae*) hại lúa được ban hành tại Thông tư số 26/2010/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

3. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 3: QCVN 01-15:2010/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc trừ bọ xít hại lúa

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-15:2010/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc trừ bọ xít hại lúa.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-15:2010/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc trừ bọ xít hại lúa được ban hành tại Thông tư số 26/2010/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

4. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 4: QCVN 01-29:2010/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc trừ rầy hại lúa

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: QCVN 01-29:2010/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc trừ rầy hại lúa

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-29:2010/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc trừ rầy hại lúa được ban hành tại Thông tư số 71/2010/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

5. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 5: QCVN 01-30:2010/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc trừ sâu đục thân hại lúa

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-30:2010/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc trừ sâu đục thân hại lúa.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành

tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-30:2010/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc trừ sâu đục thân hại lúa được ban hành tại Thông tư số 71/2010/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

6. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 6: QCVN 01-31:2010/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc trừ nhện gié (*Steneotarsonemus spinki* Smiley) hại lúa

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-31:2010/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc trừ nhện gié (*Steneotarsonemus spinki* Smiley) hại lúa.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-31:2010/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc trừ nhện gié (*Steneotarsonemus spinki* Smiley) hại lúa được ban hành tại Thông tư số 71/2010/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

7. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 7: QCVN 01-141:2013/BNNPTNT về Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc kích thích sinh trưởng đối với cây vải

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-141:2013/BNNPTNT về Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc kích thích sinh trưởng đối với cây vải.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-141:2013/BNNPTNT về Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc kích thích sinh trưởng đối với cây vải được ban hành tại Thông tư số 32/2013/TT-BNNPTNT ngày 14/6/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

8. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 8: QCVN 01-142:2013/BNNPTNT về Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc kích thích sinh

trường đối với cây lúa

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-142:2013/BNNPTNT về Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc kích thích sinh trưởng đối với cây lúa.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-142:2013/BNNPTNT về Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc kích thích sinh trưởng đối với cây lúa được ban hành tại Thông tư số 32/2013/TT-BNNPTNT ngày 14/6/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

9. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 9: QCVN 01-143:2013/BNNPTNT về Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc phòng trừ bệnh Sương mai (*Phytophthora infestans* (Mont) de Bary)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-143:2013/BNNPTNT về Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc phòng trừ bệnh Sương mai (*Phytophthora infestans* (Mont) de Bary).

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-143:2013/BNNPTNT về Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc phòng trừ bệnh Sương mai (*Phytophthora infestans* (Mont) de Bary) được ban hành tại Thông tư số 32/2013/TT-BNNPTNT ngày 14/6/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

10. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 10: QCVN 01-144:2013/BNNPTNT về Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc trừ cỏ trên đất không trồng trọt

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-144:2013/BNNPTNT về Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc trừ cỏ trên đất không trồng trọt.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-144:2013/BNNPTNT về Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc trừ cỏ trên đất không trồng trọt được ban hành tại Thông tư số 32/2013/TT-BNNPTNT ngày 14/6/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

11. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 11: QCVN 01-145:2013/BNNPTNT về Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc trừ cỏ trên đất không trồng trọt

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-145:2013/BNNPTNT về Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc trừ cỏ trên đất không trồng trọt.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-145:2013/BNNPTNT về Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc trừ cỏ trên đất không trồng trọt được ban hành tại Thông tư số 32/2013/TT-BNNPTNT ngày 14/6/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

12. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 12: QCVN 01-146:2013/BNNPTNT về Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh thán thư (*Colletotrichum gloesporioides* Penz)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-146:2013/BNNPTNT về Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh thán thư (*Colletotrichum gloesporioides* Penz).

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-146:2013/BNNPTNT về Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh thán thư (*Colletotrichum gloesporioides* Penz) được ban hành tại Thông tư số 32/2013/TT-BNNPTNT ngày 14/6/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

13. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 13: QCVN 01-160:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh thán thư

(*Colletotrichum* spp) gây hại cây ớt của các thuốc trừ bệnh

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-160:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh thán thư (*Colletotrichum* spp) gây hại cây ớt của các thuốc trừ bệnh.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-160:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh thán thư (*Colletotrichum* spp) gây hại cây ớt của các thuốc trừ bệnh được ban hành tại Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

14. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 14: QCVN 01-170:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ dòi đục lá (*Liriomyza sattivae*Blanchard) hại ớt của các thuốc trừ sâu

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-170:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ dòi đục lá (*Liriomyza sattivae*Blanchard) hại ớt của các thuốc trừ sâu.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-170:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ dòi đục lá (*Liriomyza sattivae*Blanchard) hại ớt của các thuốc trừ sâu được ban hành tại Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

15. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 15: QCVN 01-171:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh gỉ sắt (*Puccinia chrysanthemi* Roze) hại cây hoa cúc của các thuốc trừ bệnh

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-171:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh gỉ sắt (*Puccinia chrysanthemi* Roze) hại cây hoa cúc của các thuốc trừ bệnh.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại

khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-171:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh gỉ sắt (*Puccinia chrysanthemi* Roze) hại cây hoa cúc của các thuốc trừ bệnh được ban hành tại Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

16. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 16: QCVN 01-174:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh loét (*Xanthomonas campestris*pv.*citri* (Hasse) Dowson) hại cây có múi của các thuốc trừ bệnh

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-174:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh loét (*Xanthomonas campestris*pv.*citri* (Hasse) Dowson) hại cây có múi của các thuốc trừ bệnh.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-174:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh loét (*Xanthomonas campestris*pv.*citri* (Hasse) Dowson) hại cây có múi của các thuốc trừ bệnh được ban hành tại Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

17. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 17: QCVN 01-178:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh nứt thân chảy nhựa do nấm (*Mycosphaerella melonis*) hại cây dưa hấu của các thuốc trừ bệnh

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-178:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh nứt thân chảy nhựa do nấm (*Mycosphaerella melonis*) hại cây dưa hấu của các thuốc trừ bệnh.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-178:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh nứt thân chảy nhựa do nấm (*Mycosphaerella*

melonis) hại cây dưa hấu của các thuốc trừ bệnh được ban hành tại Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

18. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 18: QCVN 01-164:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh chết cây con hại cây dưa chuột của các thuốc trừ bệnh

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-164:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh chết cây con hại cây dưa chuột của các thuốc trừ bệnh.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-164:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh chết cây con hại cây dưa chuột của các thuốc trừ bệnh được ban hành tại Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

PHẦN X. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 164: KINH DOANH DỊCH VỤ BẢO VỆ THỰC VẬT

I. QUY ĐỊNH VỀ YÊU CẦU, ĐIỀU KIỆN

1. Yêu cầu, điều kiện 1: Được sự đồng ý bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức, cá nhân này có địa chỉ giao dịch hợp pháp.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đề nghị bãi bỏ điều kiện này;

Lý do: Thực hiện cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân khi thực hiện.

b) Kiến nghị thực thi:

Bãi bỏ điểm d khoản 1 Điều 23 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013 của Quốc hội.

- Lộ trình thực hiện: 2024-2025.

PHẦN XI. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 165: KINH DOANH THUỐC THÚ Y, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VẮC XIN, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y

I. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP) đối với cơ sở sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin (Mã số 2.001872)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung cách thức thực hiện thủ tục hành chính.
- Bổ sung quy định đối với loại giấy tờ phải nộp (bản sao chụp hay bản sao chứng thực ...) đối với từng thành phần hồ sơ.
- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “*Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*” và “*Chứng chỉ hành nghề sản xuất của người phụ trách kỹ thuật và người phụ trách phòng kiểm nghiệm thuốc thú y*” được quy định tại điểm b, k khoản 1 Điều 14 Nghị định số 35/2016/NĐ-CP; theo đó các thông tin liên quan đến 02 loại hồ sơ này (số ký hiệu; ngày tháng cấp) sẽ được liệt kê tại “*Đơn đăng ký kiểm tra GMP*”.

Lý do: Những loại giấy tờ này đã được cơ quan nhà nước cấp trước đó, cơ quan nhà nước có trách nhiệm tra cứu thông tin “*Chứng chỉ hành nghề thú y*” trên Hệ thống lưu trữ; đồng thời tra cứu thông tin liên quan đến “*Giấy chứng nhận doanh nghiệp*” trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bổ sung cách thức thực hiện tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y.
- Bổ sung quy định đối với loại giấy tờ phải nộp tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y.
- Bãi bỏ điểm b, k khoản 1 Điều 14 Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y; bãi bỏ cụm từ “*Giấy đăng ký kinh doanh*” tại Phụ lục XXVIII; đồng thời bổ sung thông tin liên quan đến 02 loại giấy tờ này tại Phụ lục XXVIII (Đơn đăng ký, gia hạn đăng ký kiểm tra GMP) ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.
- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

2. Thủ tục hành chính 2: Gia hạn Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP) (Mã số 1.003026)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung cách thức thực hiện thủ tục hành chính.
- Bổ sung quy định đối với loại giấy tờ phải nộp (bản sao chụp hay bản sao chứng thực ...) đối với từng thành phần hồ sơ.

Lý do: Bảo đảm tính công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi, giảm chi phí cho tổ chức, cá nhân khi chuẩn bị hồ sơ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bổ sung cách thức thực hiện và loại giấy tờ phải nộp tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp lại Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký) (Mã số 1.002992)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung trình tự thực hiện đối với việc hướng dẫn cá nhân hoàn thiện hồ sơ nếu trường hợp hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ.

- Bổ sung cách thức thực hiện thủ tục hành chính.

- Bổ sung quy định đối với loại giấy tờ phải nộp (bản sao chụp hay bản sao chứng thực ...) đối với từng thành phần hồ sơ.

Lý do: Bảo đảm tính công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi, giảm chi phí cho tổ chức, cá nhân khi chuẩn bị hồ sơ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bổ sung cách thức thực hiện và trình tự thực hiện đối với việc hướng dẫn cá nhân hoàn thiện hồ sơ nếu trường hợp hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ tại điểm b khoản 1 Điều 16 Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y.

- Bổ sung quy định đối với loại giấy tờ phải nộp tại điểm a khoản 1 Điều 16 Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y; Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y (trong trường hợp thay đổi thành phần, công thức, dạng bào chế, đường dùng, liều dùng, chỉ định điều trị của thuốc thú y; thay đổi phương pháp, quy trình sản xuất mà làm thay đổi chất lượng sản phẩm; đánh giá lại chất lượng, hiệu quả, độ an toàn của thuốc thú y theo quy định) (Mã số 1.004881)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ 02 thành phần hồ sơ “Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất của cơ sở sản xuất gia công, san chia”, “Giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm của bên đặt gia công, san chia do Cục Thú y cấp” đối với thuốc thú y đã có giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam sản xuất gia công, san chia; theo đó

các thông tin liên quan đến loại hồ sơ này (số ký hiệu; ngày tháng cấp) sẽ được liệt kê tại “*Đơn đăng lý lưu hành*”.

Lý do: Những loại giấy tờ này đã được cơ quan nhà nước cấp trước đó, cơ quan nhà nước có trách nhiệm tra cứu thông tin trên Hệ thống lưu trữ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm d, điểm đ khoản 6 Điều 3; đồng thời bổ sung thông tin liên quan đến 02 thành phần hồ sơ này vào Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

PHẦN XII. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 170: KINH DOANH CHĂN NUÔI TẬP TRUNG

I. QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT

1. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 1: QCVN 01-14:2010/BNNPTNT về điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-14:2010/BNNPTNT về điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học.

Lý do: Nội dung quy định về điều kiện kinh doanh, không phù hợp Luật Đầu tư; Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT đã quy định về cơ sở an toàn dịch bệnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-14:2010/BNNPTNT về điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học được ban hành tại Thông tư số 04/2010/TT-BNNPTNT ngày 15/01/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi lợn, trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

2. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 2: QCVN 01-15:2010/BNNPTNT về điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-15:2010/BNNPTNT về điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học.

Lý do: Nội dung quy định về điều kiện kinh doanh, không phù hợp Luật Đầu tư; Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT đã quy định về cơ sở an toàn dịch bệnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-15:2010/BNNPTNT về điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học được ban hành tại Thông tư số 04/2010/TT-BNNPTNT ngày 15/01/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi lợn, trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

3. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 3: QCVN 01-184:2017/BNNPTNT về yêu cầu vệ sinh đối với cơ sở sản xuất tinh lợn

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-184:2017/BNNPTNT về yêu cầu vệ sinh đối với cơ sở sản xuất tinh lợn.

Lý do: Luật Thú y đã quy định điều kiện đối với sản xuất tinh, phối, trứng giống, ấu trùng giống vật nuôi.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-184:2017/BNNPTNT về yêu cầu vệ sinh đối với cơ sở sản xuất tinh lợn được ban hành tại Thông tư số 16/2017/TT-BNNPTNT ngày 24/8/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu vệ sinh đối với cơ sở sản xuất tinh lợn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

PHẦN XIII. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 172: KINH DOANH THỰC PHẨM THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

I. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (Mã số 1.003178)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Đề nghị bỏ nội dung “10. Những thông tin khác” tại Bản thuyết minh điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Lý do: Đảm bảo tính minh bạch, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực

phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

2. Thủ tục hành chính 2 (cấp tỉnh): Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (Mã số 2.001827)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Đề nghị bỏ nội dung “10. Những thông tin khác” tại Bản thuyết minh điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Lý do: Đảm bảo tính minh bạch, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

PHẦN XIV. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 174: KINH DOANH PHÂN BÓN

I. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (Mã số 1.007928)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “*Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh*”; bổ sung thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong Đơn đề nghị.

Lý do: Để đơn giản hóa thành phần hồ sơ; Cơ quan nhà nước tra cứu thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ.

- Bổ sung thông tin liên quan đến Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 07 tại Phụ lục I ban hành

kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (Mã số 1.007931)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Bãi bỏ yêu cầu nộp “*Bản chụp văn bằng chứng nhận đã được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phân bón*”, theo đó chỉ yêu cầu cá nhân kê khai thông tin về chứng chỉ tập huấn vào mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón.

Lý do: Văn bằng chứng nhận này đã được Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/Cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật tập huấn và cấp trước đó. Do vậy, việc yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại giấy tờ mà mình đã cấp là không hợp lý.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 2 Điều 15 Phụ lục I Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.

- Bổ sung thông tin liên quan đến văn bằng chứng nhận đã được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phân bón tại Đơn đề nghị theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (Mã số 1.007932)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “*Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đã được sửa đổi*” và “*Bản chụp văn bằng chứng nhận đã được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phân bón*”; theo đó bổ sung thông tin về các loại giấy này trong Đơn đề nghị.

Lý do:

- “Văn bằng chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về phân bón” đã được Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/Cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật tập huấn và cấp trước đó. Do vậy, việc yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại giấy tờ mà mình đã cấp là không hợp lý.

- Đề đơn giản hóa thành phần hồ sơ, cơ quan nhà nước thực hiện tra cứu thông tin về doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 2 Điều 15 Phụ lục I Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.

- Bãi bỏ điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.

- Bổ sung thông tin liên quan đến “Văn bằng chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về phân bón” tại Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón (thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được yêu cầu tại mục 1 Mẫu số 08).

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

PHẦN XV. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 176: KINH DOANH GIỐNG CÂY TRỒNG, GIỐNG VẬT NUÔI

I. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại (Mã số 1.007994)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận Đầu tư hoặc Chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân đối với cá nhân đăng ký xuất khẩu”; bổ sung thông tin mã số doanh nghiệp, mã số dự án đầu tư, số căn cước công dân trong văn bản đề nghị cấp phép.

Lý do: Để đơn giản hóa thành phần hồ sơ, cơ quan nhà nước có trách nhiệm tra cứu thông tin về doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, thông tin về cá nhân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm a, bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng) (Mã số 1.007999)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ yêu cầu nộp thành phần hồ sơ "Bản sao thỏa thuận hợp tác giữa các bên đối với trường hợp nhập khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, hợp tác quốc tế".

Lý do: Để làm được thỏa thuận sẽ mất rất nhiều thời gian của tổ chức, cá nhân; đồng thời loại giấy tờ này không cần thiết khi thực hiện thủ tục hành chính này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 12 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

II. QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT

1. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 1: QCVN 01-48:2011/BNNPTNT về chất lượng hạt giống lạc

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-48:2011/BNNPTNT về chất lượng hạt giống lạc.

Lý do: Không phải là sản phẩm hàng hoá nhóm II.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-48:2011/BNNPTNT về chất lượng hạt giống lạc được ban hành tại Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24/6/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

2. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 2: QCVN 01-49:2011/BNNPTNT về chất lượng hạt giống đậu tương

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-49:2011/BNNPTNT về chất lượng hạt giống đậu tương.

Lý do: Không phải là sản phẩm hàng hoá nhóm II.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-49:2011/BNNPTNT về chất lượng hạt giống đậu tương được ban hành tại Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24/6/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

3. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 3: QCVN 01-52:2011/BNNPTNT về chất lượng củ giống khoai tây

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-52:2011/BNNPTNT về chất lượng củ giống khoai tây.

Lý do: Không phải là sản phẩm hàng hoá nhóm II.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ QCVN 01-52:2011/BNNPTNT về chất lượng củ giống khoai tây được ban hành tại Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24/6/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

III. QUY ĐỊNH VỀ YÊU CẦU, ĐIỀU KIỆN

1. Yêu cầu điều kiện 1: Có biện pháp bảo đảm an toàn cho người, vật nuôi, môi trường xung quanh

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đề nghị bãi bỏ điều kiện này

Lý do: Tránh trùng lặp trong quy định về yêu cầu điều kiện; thực hiện cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân khi thực hiện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm c khoản 4 Điều 23 Luật Thú y số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

2. Yêu cầu điều kiện 2: Nơi bảo quản phải tách biệt hoặc không bị ô nhiễm bởi thuốc bảo vệ thực vật, các hóa chất độc hại

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đề nghị bãi bỏ điều kiện này.

Lý do: Biện pháp này không cần thiết, để cho cá nhân chủ động, tự quản lý và đảm bảo chất lượng tinh phối giống vật nuôi; đồng thời thực hiện cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân khi thực hiện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm Điểm b khoản 4 Điều 23 Luật Thú y số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

PHẦN XVI. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 178: KINH DOANH DỊCH VỤ KHẢO NGHIỆM GIỐNG CÂY TRỒNG, GIỐNG VẬT NUÔI

I. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng (Mã số 1.007998)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ bước đánh giá thực tế tại cơ sở trước khi cấp quyết định công nhận và chuyển sang hậu kiểm.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp; thực hiện theo chủ trương của Chính phủ tăng cường công tác hậu kiểm, giảm tiền kiểm.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 7 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

2. Thủ tục hành chính 2: Chỉ định tổ chức, cá nhân thực hiện khảo nghiệm DUS giống cây trồng bảo hộ (Mã số 1.000391)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

Lý do: Việc chỉ định tổ chức, cá nhân thực hiện khảo nghiệm sẽ áp dụng theo thủ tục “Chỉ định tổ chức, cá nhân thực hiện khảo nghiệm giống cây trồng”, do vậy không cần thực hiện việc chỉ định riêng đối với khảo nghiệm DUS.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

3. Thủ tục hành chính 3: Chỉ định lại tổ chức, cá nhân khảo nghiệm DUS giống cây trồng được bảo hộ (Mã số 1.000549)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

Lý do: Việc chỉ định lại tổ chức, cá nhân thực hiện khảo nghiệm sẽ áp dụng theo thủ tục “Chỉ định lại tổ chức, cá nhân thực hiện khảo nghiệm giống cây trồng”, do vậy không cần thực hiện việc chỉ định lại đối với khảo nghiệm DUS.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

4. Thủ tục hành chính 4: Khảo nghiệm DUS giống cây trồng do người nộp đơn tự thực hiện (Mã số 1.000571)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

Lý do: Quy định thủ tục hành chính thành một bước nhỏ trong thủ tục “Đăng ký bảo hộ giống cây trồng”, như vậy tổ chức, cá nhân sẽ chỉ thực hiện 01 TTHC; gửi hồ sơ đến cơ quan nhà nước một lần; tạo điều kiện cũng như tiết kiệm chi phí cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 16 Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

II. QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT

1. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 1: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-55:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống lúa

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ QCVN 01-55:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống lúa.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-55:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống lúa được ban hành tại Thông tư số 48/2011/TT-BNNPTNT ngày 07/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

2. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 2: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-56:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống ngô

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-56:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống ngô.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Cần rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-56:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống ngô được ban hành

tại Thông tư số 48/2011/TT-BNNPTNT ngày 07/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

3. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 3: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-57:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống lạc

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-57:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống lạc.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-57:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống lạc được ban hành tại Thông tư số 48/2011/TT-BNNPTNT ngày 07/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

4. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 4: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-58:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống đậu tương

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-58:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống đậu tương.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-58:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống đậu tương được ban hành tại Thông tư số 48/2011/TT-BNNPTNT ngày 07/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

5. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 5: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-59:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống khoai tây

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-59:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống khoai tây.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-59:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống khoai tây được ban hành tại Thông tư số 48/2011/TT-BNNPTNT ngày 07/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

6. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 6: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-60:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống khoai lang

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-60:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống khoai lang.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-60:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống khoai lang được ban hành tại Thông tư số 48/2011/TT-BNNPTNT ngày 07/5/201 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

7. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 7: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-61:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống sắn

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-61:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống sắn.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-61:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống sắn được ban hành tại

Thông tư số 48/2011/TT-BNNPTNT ngày 07/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

8. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 8: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-62:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống đậu xanh

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-62:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống đậu xanh.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-62:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống đậu xanh được ban hành tại Thông tư số 48/2011/TT-BNNPTNT ngày 07/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

9. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 9: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-63:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống cà chua

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-63:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống cà chua.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-63:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống cà chua được ban hành tại Thông tư số 48/2011/TT-BNNPTNT ngày 07/5/201 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

10. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 10: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-64:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống ớt

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-64:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống ớt.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-64:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống ớt được ban hành tại Thông tư số 48/2011/TT-BNNPTNT ngày 07/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

11. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 11: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-65:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống lúa

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-65:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống lúa.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-65:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống lúa được ban hành tại Thông tư số 67/2011/TT-BNNPTNT ngày 17/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

12. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 12: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-66:2011 về khảo nghiệm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống ngô

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-66:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống ngô.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-66:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống ngô được ban hành tại Thông tư số 67/2011/TT-BNNPTNT ngày 17/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

13. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 13: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-67:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống lạc

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-67:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống lạc.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-67:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống lạc được ban hành tại Thông tư số 67/2011/TT-BNNPTNT ngày 17/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

14. Tiêu chuẩn/ Quy chuẩn 14: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-68:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống đậu tương

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-68:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống đậu tương.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-68:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống đậu tương được ban hành tại Thông tư số 67/2011/TT-BNNPTNT ngày 17/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

15. Tiêu chuẩn/ Quy chuẩn 15: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-69:2011 về khảo nghiệm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống khoai tây

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-69:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống khoai tây.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-69:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống khoai tây được ban hành tại Thông tư số 67/2011/TT-BNNPTNT ngày 17/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

16. Tiêu chuẩn/ Quy chuẩn 16: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-70:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống cà chua

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-70:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống cà chua.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-70:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống cà chua được ban hành tại Thông tư số 67/2011/TT-BNNPTNT ngày 17/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

17. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 17: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-84:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống bông

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-84:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống bông.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-84:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống bông được ban hành tại Thông tư số 24/2012/TT-BNNPTNT ngày 19/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

18. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 18: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-85:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống thuốc lá

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-85:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống thuốc lá.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-85:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống thuốc lá được ban hành tại Thông tư số 24/2012/TT-BNNPTNT ngày 19/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

19. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 19: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-86:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống hoa lily

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-86:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống hoa lily.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-86:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống hoa lily được ban hành tại Thông tư số 24/2012/TT-BNNPTNT ngày 19/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

20. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 20: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-87:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống dưa chuột

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-87:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống dưa chuột.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-87:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống dưa chuột được ban hành tại Thông tư số 24/2012/TT-BNNPTNT ngày 19/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

21. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 21: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-88:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống su hào

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-88:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống su hào.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-88:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống su hào được ban hành tại Thông tư số 24/2012/TT-BNNPTNT ngày 19/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

22. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 22: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-89:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống hoa cúc

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-89:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống hoa cúc.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-89:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống hoa cúc được ban hành tại Thông tư số 24/2012/TT-BNNPTNT ngày 19/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

23. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 23: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-90:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống hoa đồng tiền

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-90:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống hoa đồng tiền.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-90:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống hoa đồng tiền được ban hành tại Thông tư số 24/2012/TT-BNNPTNT ngày 19/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

24. Tiêu chuẩn/ Quy chuẩn 24: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-91:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống dưa hấu

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-91:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống dưa hấu .

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-91:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống dưa hấu được ban hành tại Thông tư số 24/2012/TT-BNNPTNT ngày 19/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

25. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 25: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-92:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống cải bắp

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-92:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống cải bắp.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-92:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống cải bắp được ban hành tại Thông tư số 24/2012/TT-BNNPTNT ngày 19/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

26. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 26: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-93:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống dưa chuột

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-93:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống dưa chuột.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-93:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống dưa chuột được ban hành tại Thông tư số 24/2012/TT-BNNPTNT ngày 19/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

27. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 27: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-94:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống su hào

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-94:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống su hào.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-94:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống su hào được ban hành tại Thông tư số 24/2012/TT-BNNPTNT ngày 19/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

28. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 28: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-95:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống hoa hồng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-95:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống hoa hồng.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-95:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống hoa hồng được ban hành tại Thông tư số 24/2012/TT-BNNPTNT ngày 19/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

29. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 29: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-96:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống ớt

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-96:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống ớt.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-96:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống ớt được ban hành tại Thông tư số 24/2012/TT-BNNPTNT ngày 19/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

30. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 30: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-97:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống cà rốt

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-97:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống cà rốt .

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-97:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống cà rốt được ban hành tại Thông tư số 24/2012/TT-BNNPTNT ngày 19/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

31. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 31: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-120:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống cải bắp

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-120:2013 về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống cải bắp.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-120:2013 về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống cải bắp được ban hành tại Thông tư số 33/2013/TT-BNNPTNT ngày 21/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

32. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 32: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-121:2013 về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống dưa hấu

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-121:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống dưa hấu.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-121:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống dưa hấu được ban hành tại Thông tư số 33/2013/TT-BNNPTNT ngày 21/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

33. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 33: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-122:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống nho

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-122:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống nho.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-122:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống nho được ban hành tại Thông tư số 33/2013/TT-BNNPTNT ngày 21/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

34. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 34: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-123:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống bông

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-123:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống bông.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-123:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống bông được ban hành tại Thông tư số 33/2013/TT-BNNPTNT ngày 21/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

35. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 35: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-124:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống chè

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-124:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống chè.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-124:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống chè được ban hành tại Thông tư số 33/2013/TT-BNNPTNT ngày 21/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

36. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 36: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-125:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống mía

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-125:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống mía.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-125:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống mía được ban hành tại Thông tư số 33/2013/TT-BNNPTNT ngày 21/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

37. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 37: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-128:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống nhãn

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-128:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống nhãn.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-128:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống nhãn được ban hành tại Thông tư số 33/2013/TT-BNNPTNT ngày 21/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

38. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 38: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-129:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống thanh long

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-129:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống thanh long.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-129:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống thanh long được ban hành tại Thông tư số 33/2013/TT-BNNPTNT ngày 21/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

39. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 39: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-131:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống mía

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-131:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống mía.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-131:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống mía được ban hành tại Thông tư số 33/2013/TT-BNNPTNT ngày 21/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

40. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 40: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-147:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống đậu

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-147:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống đậu.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-147:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống đậu được ban hành tại Thông tư số 33/2013/TT-BNNPTNT ngày 21/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

41. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 41: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-153:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống mướp đắng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-153:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống mướp đắng.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-153:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống mướp đắng được ban hành tại Thông tư số 05/2014/TT-BNNPTNT ngày 10/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

42. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 42: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-154:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống bí ngô

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-154:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống bí ngô.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-154:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống bí ngô được ban hành tại Thông tư số 05/2014/TT-BNNPTNT ngày 10/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

43. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 43: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-155:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống hoa cẩm chướng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-155:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống hoa cẩm chướng.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-155:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống hoa cẩm chướng được ban hành tại Thông tư số 05/2014/TT-BNNPTNT ngày 10/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

44. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 44: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-156:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống rau dền

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-156:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống rau dền.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-156:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống rau dền được ban hành tại Thông tư số 05/2014/TT-BNNPTNT ngày 10/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

45. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 45: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-157:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống thu hải đường

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-157:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống thu hải đường.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-157:2014/BNNPTNT về về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống thu hải đường được ban hành tại Thông tư số 05/2014/TT-BNNPTNT ngày 10/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

46. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 46: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-43:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm, kiểm định bò giống hướng sữa

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ quy định đánh giá chỉ định cơ sở đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm, kiểm định bò giống hướng sữa.

Lý do: Cơ sở có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 27 Luật Thú y được thực hiện khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi mới trước khi đi vào sản xuất mà không cần phải làm thủ tục để được chỉ định.

b) Kiến nghị thực thi:

- Thay thế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01- 43:2011/BNNPTNT bằng tiêu chuẩn Việt Nam về quy trình khảo nghiệm kiểm định bò giống hướng sữa tại Thông tư số 43/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/7/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

47. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 47: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-44:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm, kiểm định bò giống hướng thịt

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ quy định đánh giá chỉ định cơ sở đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm, kiểm định bò giống hướng thịt.

Lý do: Cơ sở có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 27 Luật Thú y được thực hiện khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi mới trước khi đi vào sản xuất mà không cần phải làm thủ tục để được chỉ định.

b) Kiến nghị thực thi:

- Thay thế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01- 44:2011/BNNPTNT bằng tiêu chuẩn Việt Nam về quy trình khảo nghiệm, kiểm định bò giống hướng thịt ban hành tại Thông tư số 43/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/7/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

48. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 48: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-45:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm, kiểm định vịt giống

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ quy định về đánh giá chỉ định cơ sở đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm, kiểm định vịt giống.

Lý do: Cơ sở có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 27 Luật Thú y được thực hiện khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi mới trước khi đi vào sản xuất mà không cần phải làm thủ tục để được chỉ định.

b) Kiến nghị thực thi:

- Thay thế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-45:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm, kiểm định Vịt giống ban hành tại Thông tư số 43/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/7/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi bằng tiêu chuẩn Việt Nam về quy trình khảo nghiệm, kiểm định Vịt giống.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

49. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 49: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-46:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm, kiểm định gà giống

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ quy định đánh giá chỉ định cơ sở đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm, kiểm định gà giống.

Lý do: Cơ sở có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 27 Luật Thú y được thực hiện khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi mới trước khi đi vào sản xuất mà không cần phải làm thủ tục để được chỉ định.

b) Kiến nghị thực thi:

- Thay thế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-46:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm, kiểm định Gà giống ban hành tại Thông tư số 43/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/7/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi bằng tiêu chuẩn Việt Nam về quy trình khảo nghiệm, kiểm định gà giống.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

50. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 50: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-71:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm kiểm định cừ giống

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ quy định về đánh giá chỉ định cơ sở đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm, kiểm định cừ giống.

Lý do: Cơ sở có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 27 Luật Thú y được thực hiện khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi mới trước khi đi vào sản xuất mà không cần phải làm thủ tục để được chỉ định.

b) Kiến nghị thực thi:

- Thay thế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-71:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm kiểm định cừ giống ban hành tại Thông tư số 72/2011/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi bằng tiêu chuẩn Việt Nam về quy trình khảo nghiệm, kiểm định cừ giống.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

51. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 51: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-72:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm kiểm định dê giống

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Bãi bỏ quy định đánh giá chỉ định cơ sở đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm, kiểm định dê giống

Lý do: Cơ sở có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 27 Luật Thú y được thực hiện khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi mới trước khi đi vào sản xuất mà không cần phải làm thủ tục để được chỉ định.

b) Kiến nghị thực thi:

Thay thế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01- 72:2011/BNNPTNT ban hành tại Thông tư số 72/2011/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi bằng tiêu chuẩn Việt Nam về quy trình khảo nghiệm, kiểm định dê giống.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

52. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 52: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-73:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm kiểm định ngan giống

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ quy định về đánh giá chỉ định cơ sở đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm, kiểm định ngan giống.

Lý do: Cơ sở có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 27 Luật Thú y được thực hiện khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi mới trước khi đi vào sản xuất mà không cần phải làm thủ tục để được chỉ định.

b) Kiến nghị thực thi:

- Thay thế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01- 73:2011/BNNPTNT ban hành tại Thông tư số 72/2011/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi bằng tiêu chuẩn Việt Nam về quy trình khảo nghiệm, kiểm định ngân giống.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

53. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 53: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-74:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm kiểm định tầm giống

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ việc đánh giá chỉ định cơ sở đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm, kiểm định tầm giống.

Lý do: Cơ sở có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 27 Luật Thú y được thực hiện khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi mới trước khi đi vào sản xuất mà không cần phải làm thủ tục để được chỉ định.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01- 74:2011/BNNPTNT ban hành tại Thông tư số 72/2011/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi bằng tiêu chuẩn Việt Nam về quy trình khảo nghiệm, kiểm định tầm giống.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

54. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 54: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-75:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm kiểm định thỏ giống

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ quy định về đánh giá chỉ định cơ sở đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm, kiểm định thỏ giống.

Lý do: Cơ sở có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 27 Luật Thú y được thực hiện khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi mới trước khi đi vào sản xuất mà không cần phải làm thủ tục để được chỉ định.

b) Kiến nghị thực thi:

- Thay thế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01- 75:2011/BNNPTNT ban hành tại Thông tư số 72/2011/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi bằng tiêu chuẩn Việt Nam về quy trình khảo nghiệm, kiểm định thỏ giống.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

55. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 55: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-76:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm kiểm định trâu giống

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ quy định đánh giá chỉ định cơ sở đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm, kiểm định trâu giống.

Lý do: Cơ sở có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 27 Luật Thú y được thực hiện khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi mới trước khi đi vào sản xuất mà không cần phải làm thủ tục để được chỉ định.

b) Kiến nghị thực thi:

- Thay thế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-76:2011/BNNPTNT ban hành tại Thông tư số 72/2011/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi bằng tiêu chuẩn Việt Nam về quy trình khảo nghiệm, kiểm định trâu giống.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

56. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 56: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-101:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm kiểm định ong mật giống

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ quy định đánh giá chỉ định cơ sở đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm, kiểm định ong mật giống.

Lý do: Cơ sở có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 27 Luật Thú y được thực hiện khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi mới trước khi đi vào sản xuất mà không cần phải làm thủ tục để được chỉ định.

b) Kiến nghị thực thi:

- Thay thế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-101:2012/BNNPTNT ban hành tại Thông tư số 41/2012/TT-BNNPTNT ngày 15/8/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi và thức ăn chăn nuôi bằng tiêu chuẩn Việt Nam về quy trình khảo nghiệm, kiểm định ong mật giống.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022

57. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 57: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-102:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm kiểm định đà điểu giống

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ quy định đánh giá chỉ định cơ sở đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm, kiểm định đà điểu giống.

Lý do: Cơ sở có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 27 Luật Thú y được thực hiện khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi mới trước khi đi vào sản xuất mà không cần phải làm thủ tục để được chỉ định.

b) Kiến nghị thực thi:

- Thay thế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-102:2012/BNNPTNT ban hành tại Thông tư số 41/2012/TT-BNNPTNT ngày 15/8/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi và thức ăn chăn nuôi bằng tiêu chuẩn Việt Nam về quy trình khảo nghiệm, kiểm định đà điều giống.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

58. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn 58: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-148:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm, kiểm định lợn giống

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-148:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm, kiểm định lợn giống.

Lý do: Quy định về nội dung khảo nghiệm không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Cần rà soát, chuyển thành tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản quản lý của ngành.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-148:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm, kiểm định lợn giống được ban hành tại Thông tư số 31/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/6/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định lợn giống.

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022.

PHẦN XVII. NGÀNH NGHỀ KHÁC

I. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Nhóm thủ tục liên quan đến cấp Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y, Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ yêu cầu thực hiện cấp 02 loại giấy này đối với trang trại chăn nuôi thương phẩm quy mô lớn, trang trại chăn nuôi con giống quy mô lớn; cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc động vật và các sản phẩm động vật khác không sử dụng làm thực phẩm theo hướng thống nhất cơ sở chỉ phải chịu một giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản; rà soát, bãi bỏ các chỉ tiêu kiểm tra vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm tại Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT, Thông tư số 71/2011/TT-BNNPTN, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT,... trùng với các chỉ tiêu tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP (ví dụ địa điểm, nguồn nước, kết cấu, bố trí sản xuất, trang thiết bị sản xuất, vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị,...). Các quy định kỹ thuật khác nếu cần thiết phải quy định, thì tích hợp vào quy định của điều kiện chăn nuôi, điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản.

Lý do: Giảm chồng chéo, khắc phục tình trạng một cơ sở chịu nhiều giấy chứng nhận đủ điều kiện trước khi đi vào hoạt động; tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở chăn nuôi, giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 2, 3 Điều 36; Điều 37; Điều 38 Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y; Sửa đổi Thông tư số 71/2011/TT-BNNPTN ngày 25/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia lĩnh vực thú y; Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,...

- Lộ trình thực hiện: 2021-2022./.